

TIỂU THUYẾT HÓA HÌNH TƯỢNG HỒ CHÍ MINH TRONG *BÚP SEN XANH* CỦA SƠN TÙNG

Trần Thị Nhật

Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài 26/02/2019, ngày nhận đăng 18/4/2019

Tóm tắt: Gia tăng các yếu tố đời tư, tô đậm các khoảng mờ, hư cấu thêm nhiều phần không có trong chính sử khi thể hiện các nhân vật anh hùng là một xu hướng diễn ra khá mạnh mẽ trong các tiểu thuyết lịch sử thời kì sau 1986, trong đó có sáng tác của Sơn Tùng. Sự hấp dẫn của *Búp sen xanh* đến từ phương thức này. Nhà văn đã xây dựng thành công hình tượng Hồ Chí Minh thời trẻ từ góc nhìn con người cá nhân, đời thường. Ông không từ bỏ xu hướng sử thi hóa thường thấy trong tiểu thuyết lịch sử, nhưng mặt khác cũng không chối bỏ xu hướng tiểu thuyết hóa với việc gia tăng các tình tiết hư cấu, tiếp cận lãnh tụ từ góc nhìn đời tư. Chính điều đó đã làm cho hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên giản dị, gần gũi và hấp dẫn với người đọc.

1. Sau năm 1986, với sự thay đổi ý thức thẩm mỹ của người sáng tác, tiểu thuyết lịch sử đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng với những tác phẩm tiêu biểu như: *Giàn thiêu* (Võ Thị Hào), *Đàn đày* (Trần Thu Hằng), *Hồ Quý Ly*, *Mẫu Thượng Ngàn*, *Đội gạo lên chùa* (Nguyễn Xuân Khánh), *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân), *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Búp sen xanh* và *Bông sen vàng* của Sơn Tùng... Trong quan niệm của các nhà tiểu thuyết, viết về lịch sử không đơn thuần là tái tạo lại bối cảnh, không khí thời đại mà là luận giải, định vị lại các giá trị lịch sử trong cảm thức có phần lí tính hơn của đời sống đương đại.

Điều dễ gây ra nhiều tranh luận trái chiều nhau về các tiểu thuyết lịch sử sau 1986 là vấn đề viết về người anh hùng từ phương diện đời thường và gia tăng các yếu tố hư cấu. Trong truyền thống văn hóa của người Việt, các anh hùng dân tộc là những người phi thường, có tầm trí tuệ, nhân cách vượt trội. Vì thế, nhà văn thường đi theo xu hướng sử thi hóa, huyền thoại hóa. Họ là những con người đơn diện và nhiều lúc giống các nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết hay cổ tích. Bút pháp kì ảo thường được sử dụng để tôn vinh người anh hùng. Nhưng trong tiểu thuyết lịch sử sau 1986, khi ý thức dân chủ của xã hội đã thay đổi, tâm thế người đọc luôn đòi hỏi hướng đến một sự thực nhiều chiều như nó vốn có, cách tiếp cận con người trong các tiểu thuyết lịch sử cũng phải thay đổi. Mặt khác, nghệ thuật tiểu thuyết đương đại là sự chống lại huyền thoại. Điều đó buộc tiểu thuyết lịch sử phải tìm đến một lối đi mới: tăng cường các yếu tố hư cấu, tưởng tượng, bỏ khuyết những khoảng mờ trong đời tư của các nhân vật anh hùng. Theo xu hướng này (chúng tôi định danh là xu hướng tiểu thuyết hóa), nhiều nhân vật lịch sử như Nguyễn Huệ (trong *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác), Nguyễn Trãi (trong *Vạn xuân* của Yveline Féray...) đã được xây dựng rất thành công. Một thi pháp tiểu thuyết lịch sử thực sự hình thành: thi pháp đa thanh, biểu đạt hình tượng con người như một thực thể đa diện, đa trị. Quá trình này trả lại cho nhân vật lịch sử một đời sống con người cá nhân đích thực. Nguyên lí này có cơ sở thực tiễn: ai đó làm nên được những kì tích cho cộng đồng thì chính bản thân họ trong đời sống thường nhật cũng mang những giá trị

cá nhân khu biệt. Bên cạnh mặt vĩ nhân, mặt khác thường thì người anh hùng vẫn có những mặt khuất lấp, những mảng mờ mà chính sử không thể nào ghi chép hết. Tuy nhiên, việc hư cấu ra sao, tô đậm những điểm mờ nào để vẫn tôn vinh người anh hùng mà không thần thánh hóa, không xuyên tạc lịch sử lại là sự thử thách của cả cái tài và cái tâm của người cầm bút. Thực tế, một số truyện ngắn, tiểu thuyết lịch sử như *Mùa mưa gai sắc*, *Gia phả* của Trần Vũ, *Trở về Lệ Chi Viên* của Nguyễn Thúy Ái, *Nguyễn Thị Lộ* của Hà Văn Thùy, *Bắt đầu và kết thúc* của Trần Quỳnh Nga... có vẻ như đã quá đà trong thao tác tưởng tượng, bị một số độc giả phê phán, thậm chí còn bị coi là xuyên tạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp nhân cách người anh hùng.

2. Với một nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt một thời gian dài, dường như thơ ca đã có những thành công trong việc thể hiện vẻ đẹp vừa giản dị, vừa vĩ đại của Người (*Người đi tìm hình của nước* của Chế Lan Viên; *Bác ơi, Theo chân Bác...* của Tố Hữu). Tiểu thuyết đi chậm hơn trong tiếp cận và khắc họa chân dung lãnh tụ. Điều này cũng dễ hiểu. Yêu cầu tái hiện bức tranh toàn cảnh, sinh động, với nhiều mối quan hệ phức tạp của số phận cá nhân, nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp của một hình tượng sử thi dường như trở nên quá sức với nhiều cây bút tiểu thuyết có ý định viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và vì thế, việc Sơn Tùng tiểu thuyết hóa thành công hình tượng Hồ Chí Minh thời trẻ là một nỗ lực đi tiên phong đáng ghi nhận trên con đường khó khăn này.

Viết *Búp sen xanh*, Sơn Tùng đã mạnh dạn chọn lọc tư liệu, sử dụng thủ pháp hư cấu, bổ sung, tô đậm thêm nhiều chi tiết trong cuộc đời của Hồ Chí Minh thời trẻ. Đặc biệt, Sơn Tùng không né tránh khi đưa vào tiểu thuyết những trang xúc động về tình yêu đầu đời của chàng thanh niên trẻ. Thao tác ấy không hề làm giảm đi cái nhìn tôn kính đối với lãnh tụ của dân tộc mà ngược lại, nó còn làm nảy sinh nhiều cảm xúc, suy tư đẹp đẽ ở bạn đọc.

Thành công trước hết của cuốn tiểu thuyết là biết lựa chọn khoảng thời gian thích hợp cho việc tiểu thuyết hóa cuộc đời Hồ Chí Minh, đó là chọn lúc “đóa sen chưa nở”- tức quãng đời từ tuổi thiếu niên đến chớm tuổi thanh niên của Người. Nhà văn tô đậm sự hiếu động, nghịch ngợm của Côn như bao đứa trẻ cùng trang lứa: “*Trèo cau lấy bẹ để làm thuyền*”, “*trèo cây thị hái quả ương*”, “*leo cả lên hồi nhà tìm chim sẻ đã sảy chân giẫm lên bẹ bát cổ của bà, làm vỡ một lúc chục cây đĩa bạc trúc hóa rỗng*”; “*ru đám trẻ trong xóm đi trêu chó để chúng sủa om sòm*”... [6; tr. 41-42]. Nhưng đồng thời, tư chất thông minh của đứa trẻ đã được người viết khéo léo khắc họa. Trêu chó nhà hàng xóm khi bị người ta đến nhà la mắng, Côn bung ghê ra mời họ, “*Cháu mời bà ngồi ghé có tựa lưng mà chửi cho đỡ mỏi chân ạ*” [6; tr. 132]. Biết dùng sự hồn nhiên, pha chút hài hước để buộc đối tượng phải nghĩ lại là giải pháp tốt nhất để đánh thức lòng bao dung của người lớn.

Sơn Tùng cũng xoáy sâu vào những bi kịch tuổi thơ với thủ pháp miêu tả nội tâm nhân vật. Trong những bi kịch nối tiếp nhau, cậu bé Côn hiện ra như một con người bé nhỏ, bất lực. Lên ba tuổi, ông ngoại qua đời. Trong đám tang của ông ngoại, cậu bé níu áo cha: “*Cha ơi! Cây nén cũng khóc ông. Nước mắt nó chảy, cha ơi!*” [6; tr. 26]. Rồi mẹ mất, sự bơ vơ của đứa trẻ đạt đến đỉnh điểm: “*Chiếc quan tài đặt vào lòng con đò. Côn gục đầu xuống nắp áo quan mẹ...*”. Và đêm về là những tiếng ru tê tái: “*À... ơi... Bông bông bé bé bông bông.../ Cò con theo mẹ sang sông đằm đò.../ À... ơi đằm đò ướt hết thân cò.../ Cò con cò mẹ lò dò sang sông/ Bông... bông... bé... ớ... bông... ơ... bông*” [6;

tr. 110-111]. Điệu hồn ca dao được sửa lời để thể hiện tâm trạng của người con mất mẹ, của người anh với đứa em mồ côi khi vừa mới lọt lòng. Tác giả đã khéo léo đan xen vào lớp ngôn ngữ trực tiếp những hình ảnh quen thuộc trong lời hát ru của bao bà mẹ: *con cò mà đi ăn đêm...; cái cò lặn lội bờ sông...; cái cò là cái cò quăm...* Cũng trong tiếng ru ấy, người anh đã dự cảm được sự sống vô cùng mong manh của đứa em mình đang bé trên tay. Tiếng ru nã nê và quá đỗi tang thương được đặt vào một tình huống vô cùng phù hợp để tự nó bộc lộ tâm trạng của nhân vật một cách rõ ràng và sâu sắc nhất.

Son Tùng đã thể hiện rất thành công những điều nhân vật suy tư và ứng xử trong những thời điểm gay gắt nhất của thời thơ ấu đau buồn. Tác giả đã dùng thủ pháp “mượn lời” để “nhập thân” một phần vào nhân vật khi phân tích diễn biến tâm lí của cậu bé Côn trong hoàn cảnh mẹ chết, cha đi xa mà em thì khát sữa: “*Chôn cất mẹ xong, Côn lại bế em về với ngôi nhà hoang vắng trong thành nội. Bà con hàng xóm, các nhà có con học ông cử Sắc đều muốn đón anh em Côn về với gia đình họ. Nhưng Côn không đến ở nhà ai. Em Côn nhỏ, đang lâm bệnh ỉa chảy, lại là ngày tết, nhà nào cũng cỗ bàn sang trọng, khách khứa đông vui, người ta sẽ khó chịu về sự có mặt của hai đứa trẻ mồ côi mẹ này*” [6; tr. 111]. Trong đau đớn, cô đơn tột cùng vẫn không làm thui chột khả năng nhận ra suy nghĩ của người khác. Đối với cậu bé mới mười tuổi, những cảm nhận ấy đã cho thấy một sự trưởng thành vượt trước thời gian. Tuy sâu sắc trong suy nghĩ song Côn vẫn là một đứa trẻ, cũng sợ hãi, hoảng hốt trong những đêm đầu tiên vắng mẹ: “*Côn thấy rờn rợn trong đầu (...), không đỡ được em nín, khổ quá Côn khóc luôn với em. Tiếng “eng éc” của con chim lợn kêu từ đêm trước lại hiện đến trong Côn với cảm giác như bị cái cật nứa cứa vào bàn tay (...). Cái cảm giác sợ hãi đã bay biến thì nỗi cô đơn lại bao trùm trí Côn lúc cả kinh thành như bay lên theo tiếng pháo giao thừa*” [6; tr. 111]. Nhà văn đã khéo léo vẽ nên một bức tranh đời sống với hai thái cực đối lập nhau: nỗi đau thấm vào tim, sự cô đơn, trống vắng tột cùng và rộn rã, tung bừng tiếng pháo của thời khắc giao thừa báo hiệu bắt đầu một năm mới.

Dòng sự kiện tiếp tục tuôn chảy với những cung bậc cao hơn. Cha Côn trở về, bé Xin qua đời. Ba cha con lại trở về Nghệ An. Nỗi buồn đau mất người thân dần vật nhưc nhối tâm can Côn suốt quãng đường về được đan xen bằng ký ức của những kỷ niệm về kinh thành Huế. Ở đó, đọng lại hình ảnh những người đói rách, ăn mày, mà trước đây Cậu nghĩ là ở đất kinh đô sẽ không bao giờ có. Hình ảnh người dân gầy gò, đầu đội nón mê, cúi đầu kéo xe chở thặng Tây bụng phệ... đã ám ảnh cậu không nguôi. Ở đây, để làm rõ sự dần vật, suy tư, tác giả *Búp sen xanh* đã cho nhân vật tự phân thân, tự mổ xẻ, tự đối thoại với chính mình. Nhân vật tự đặt ra hàng loạt những câu hỏi, rồi lại tự trả lời cho những băn khoăn, hoài nghi, trăn trở và tìm cách lý giải cho thực trạng của đất nước: “*Càng nghe thầy giảng, dòng suy nghĩ của anh càng dài. Những câu hỏi lớn về các nhân vật mà anh đã gặp trong những trang sách thuê đọc ở quán sách cụ Lừa. Lòng anh càng trăn trở về một câu hỏi: Nước Pháp đã sinh ra được những nhà tư tưởng như Mông-tét-ki-ơ (Montesquieu), Rút-xô (Rousseau), Vôn-te (Voltaire) và Công-đoóc-xê (Condorcet)... Họ đã đề xướng ra Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Họ đã đấu tranh đòi quyền cơ bản của con người - Nhân quyền. Vậy mà ở đất nước Nam này lù lù cái ông Tây từ đầu đến chân lấm đầy máu của con người?*” [6; tr. 215]. Đến lúc này, cái nhìn của tác giả dõi theo dòng chảy tâm thức nhân vật đã chuyển hẳn từ đời sống cá nhân, gia đình vào đời sống chung của nhân dân, của đất nước và cao hơn thế là ánh sáng của nhân loại trong tìm kiếm tự do, hạnh phúc con người.

Sơn Tùng đã đặt nhân vật vào các biến động liên tiếp, dồn dập của gia cảnh với những diễn biến tâm lí phức tạp, bất ngờ. Từ những nghịch cảnh của bản thân, gia đình, Nguyễn Tất Thành đã soi chiếu lại thực tại để có những nhận thức sâu sắc hơn về dân tộc, về vận mệnh đất nước. Nội tâm nhân vật luôn có những dằng xé dữ dội. Lời đối thoại xen lẫn độc thoại với hàng loạt lời văn nửa trực tiếp, thể hiện sự nhập thân vào đối tượng, tiếp cận đối tượng từ phía bên trong đầy phức tạp, bí ẩn của con người.

3. Điểm độc đáo nhất của tiểu thuyết *Búp sen xanh* là Sơn Tùng đã mạnh dạn đưa vào tác phẩm những trang miêu tả tình yêu nam nữ của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành. Nhà văn đã miêu tả thành công một cuộc tình thầm lặng, sâu lắng tình đời, tình người. Sơn Tùng đã rất khéo tay trong việc miêu tả mối lương duyên đặc biệt: các nhân vật vừa tương đồng về cảnh ngộ, vừa như có sự sắp xếp của yếu tố ngẫu nhiên, tình cờ. Gian khó chỉ mới là điều kiện đầu tiên làm cho họ gắn bó với nhau. Tình yêu còn cần đến cái kì ngộ, cái duyên trời. “*Út Huệ lưng na một khối hàng to hơn sức vóc của mình, đi bên cạnh anh Ba. Mắt cô ánh lên niềm xao xuyến, nhìn thấy những vệt mồ hôi đầm ướt trán, tràn qua mặt, qua cổ và thấm qua lưng áo anh Ba...*” [6; tr. 307]. Những cảm xúc đầu tiên xuất phát từ sự gắn bó trong công việc khổ ải. Rồi cũng từ trong những công việc họ cùng nhau chia sẻ ấy, những sơ ý, hay sự vô tình đã làm cho cái duyên thâm của người con gái đột nhiên phát lộ. Bao hàng nặng quá sức bất ngờ đưa đến một cái vấp ngã định mệnh: “*Tóc Út Huệ sổ xuống, bay lòa xòa ra đằng sau. Hai mắt như hai chiếc lá đào non sưng đau long lanh*” [6; tr. 309]. Giây phút đó vô tình đánh thức những rung động tình tế trong tâm hồn hai người. Thầm lặng, giản dị nhưng rất thiêng liêng: “*Anh Ba mở choàng mắt. Bất chợt anh có cảm giác gương mặt Út Huệ như một búp sen từ đầm sen quê nhà hiện đến*” [6; tr. 309]. Hình ảnh lung linh ấy chắc hẳn đã ám ảnh và thai nghén trong tâm hồn anh Ba từ rất lâu, nơi làng Sen quê nội với bao mùa hạ đi qua... Đây là những chi tiết đắt giá thể hiện sự tinh tường trong phát hiện, lựa chọn chi tiết của nhà văn. Dòng tự sự tiếp diễn với những trang viết về sự lớn dần lên của một tình yêu sâu đậm qua bút pháp miêu tả hành động, cử chỉ của nhân vật: “*Út Huệ ở trong buồng, ngồi trước ánh đèn, lật qua lật lại những vuông khăn, ngắm từng đường sọc, mép viền. Cô cột gọn tóc sau gáy, trùm tấm khăn rằn lên đầu ngắm vào gương, cười... Phút chốc cô áp cả tấm khăn lên ngực, mắt thần thờ lắng nghe tiếng tim mình hòa cùng tiếng đàn của cha: ... kéo neo... kéo... neo... tàu chạy... Gạt... nước... mắt... tiễn... đưa... Thương người... người... đi muôn... trùng... sóng... vỹ...*” [6; tr. 314-315]. Hình như trong tiếng đàn của người cha, Sơn Tùng đã cố ý đưa ra một dự cảm. Thế rồi khi mối tình đang độ chín, nỗi buồn đau chia lìa cũng ập đến: “*Út Huệ rùng mình. Cái kim trên tay tuột xuống nền nhà. Cô bối rối, tay run run nhặt cây kim lên, môi mím mím*”. Và rồi “*Út Huệ nắm chặt tấm áo và trong tay mình, nén tiếng khóc từ trong cổ họng*”; “*Út Huệ một mình một đèn, nước mắt giọt ngắn giọt dài tại buồng trong*” [6; tr. 341]. Sơn Tùng đã khéo léo miêu tả diễn biến tâm trạng hết sức đặc biệt của Út Huệ qua cảm nhận nỗi cô đơn khi phải chịu cảnh biệt li trong một tình yêu mới chớm nở. Tâm trạng ấy đồng thanh tương ứng với sự day dứt, dày vò tâm trí anh Ba trong giờ phút chia tay: “*Anh Ba im lặng đi bên Út Huệ. Mắt Út Huệ luôn luôn nhìn về hướng con tàu rồi liếc nhìn anh Ba...; Anh Ba bất chợt nhìn Út Huệ, nhìn con tàu. Anh rùng mình. Một luồng gió lạnh từ đỉnh đầu xuống gan bàn chân như phân chia con người anh làm hai*”. Con tàu từ từ rời bến “*Anh Ba cầm nắm com trong tay. Âm thanh thành phố Sài Gòn đổ dồn xuống cửa sông như trùm lấy*

anh. Anh nghe tiếng còi tàu nhọn hoắt khoan vào không gian nhưc nhói...; Gương mặt người con gái Sài Gòn chập chờn trước mắt anh như một búp sen quê hương...” [6; tr. 347-348, tr. 350]. Ở đây, một lần nữa Sơn Tùng đã khéo léo tô thêm vẻ đẹp và sự thiêng liêng của một tình yêu được gửi gắm vào sự cảm nhận về búp sen e ấp trong cánh xanh phớt hồng đang chớm nở. Chọn đóa sen trong thời điểm ấy để gửi vào đó một thông điệp nghệ thuật là một sự sáng tạo hết sức độc đáo. Với một hệ thống sự kiện được sắp đặt một cách hết sức hợp lí, với cách miêu tả tâm lý tự nhiên, Sơn Tùng đã sáng tạo nên một tình yêu vừa cao đẹp, lãng mạn nhưng cũng tự nhiên, bình dị như tất cả mọi người.

4. Gia tăng các yếu tố hư cấu, tô đậm chất đời tư trong xây dựng nhân vật anh hùng là một xu hướng khá phổ biến trong các tiểu thuyết lịch sử sau 1986. Sơn Tùng, trong chừng mực nào đó, vẫn không từ bỏ bút pháp sử thi khi cần thiết, nhưng ông cũng biết cách gia tăng các yếu tố hư cấu khi xây dựng hình tượng Hồ Chí Minh thời trẻ. Sơn Tùng đã có nhiều thành công và trở thành người đi tiên phong trong việc mở ra một xu hướng tiếp cận mới khi viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh. Với sự kết hợp tư liệu lịch sử và hư cấu, gia tăng đáng kể chất tiểu thuyết cho các sự kiện lịch sử, Sơn Tùng đã bỏ khuyết nhiều khoảng trống của chính sử về thời tuổi trẻ của lãnh tụ kính yêu. Trước *Búp sen xanh*, tuổi thanh xuân với bao kỉ niệm, cảm xúc và suy tư của Hồ Chí Minh chưa từng được đề cập kỹ như thế. Đặt nhân vật lịch sử vào giữa những mối quan hệ đời thường, trong đó có tình yêu cá nhân nam nữ, Sơn Tùng không những không làm giảm đi sự thiêng liêng và tình cảm tôn kính của nhân dân dành cho lãnh tụ, mà ngược lại càng làm cho nhân vật lịch sử trở nên chân thực và sinh động hơn. Vì vậy, có thể nói *Búp sen xanh* đã có đóng góp làm phong phú thêm thi pháp tiểu thuyết lịch sử Việt Nam hiện đại. *Búp sen xanh* xứng đáng là một mốc son trong sự nghiệp sáng tác tiểu thuyết lịch sử của Sơn Tùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M. Bakhtin (1993), *Những vấn đề thi pháp Đôtxtóiexki*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] M. Bakhtin (2003), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] M. Kundera (1998), *Nghệ thuật tiểu thuyết*, Nguyễn Ngọc dịch, NXB Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Văn Hùng (2017), “Hình tượng Bác Hồ trong văn xuôi Việt Nam đương đại”, <http://vannghequandoi.com.vn/Hoc-tap-va-lam-theo-tam-guong-Đao-duc-Ho-Chi-Minh/hinh-tuong-bac-ho-trong-van-xuoi-viet-nam-duong-dai-11291.html>.
- [5] Bình Nguyên, *Vấn đề “hư cấu và giải thiêng” trong tiểu thuyết lịch sử*, <http://vanhocquenha.vn>.
- [6] Sơn Tùng (2015), *Búp sen xanh*, NXB Kim Đồng.
- [7] Bùi Thanh Truyền (2011), *Hình tượng Bác Hồ trong một số tiểu thuyết tiêu biểu cho thiếu nhi sau năm 1975*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 3.
- [8] Trần Đình Sử (2004), *Dẫn luận thi pháp học văn học*, NXB Đại học Sư phạm.

SUMMARY

THE NOVELISATION OF HO CHI MINH IMAGE IN *THE GREEN LOTUS BUD* BY SON TUNG

The enhancement of private life factors, the emphasis on blurred details and the fictionalisation of non-historical contents in writing the stories about heroes represented a popular trend of novelisation in the historical novels of the second half of 1986 of which the work of Son Tung. The attraction of “*The Green Lotus Bud*” also comes from this trend. The author has successfully portrayed the figure of the young Ho Chi Minh from a perspective of daily private life. Without abandoning the routine of epicisation, Son Tung, otherwise, applied the novelising trend in which the fictionalizing details were strengthened and a private life perspective was used to describe the Great Leader, making the image of Ho Chi Minh simpler, more intimate and more attractive for readers.